

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/DS-ST.

Ngày: 25/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 62/TLST- DS ngày 08/4/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-DS ngày 08/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2022/QĐST-DS ngày 08/9/2022 của tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 – Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- **Người đại diện theo ủy quyền:** Bà Quách Thị Liễu, sinh năm 1968 – Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:**
Ông Trần Văn T1 – Luật sư Văn phòng luật sư sư Đồng T & Cộng sự đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang. Có mặt

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1990. Vắng mặt
Chị Ngô Thị T, sinh năm 1993. Vắng mặt

Đều nơi cư trú: Thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ngô Thị D1, sinh năm 1994 – Vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bà Quách Thị Liễu là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Tại đơn khởi kiện và các tài liệu nguyên đơn đã nộp cho Tòa án thể hiện ngày 20/7/2020 anh H cho vợ chồng anh D, chị T vay số tiền 100.000.000 đồng, tại Bản cam kết vay tiền không đề ngày tháng bản viết tay, thời hạn vay từ ngày 20/7/2020 đến ngày 30/7/2020, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ngày 03/12/2020 anh D, chị T có vay của anh H số tiền là 20.000.000 đồng, theo Giấy cam kết vay tiền đề ngày 03/12/2020 bản viết tay mực xanh số tiền vay là 20.000.000 đồng. Khi vay hai bên chỉ thỏa thuận thời hạn vay, ngày vay từ 03/12/2020 đến ngày 13/12/2020, không thỏa thuận lãi suất; Khi đến hạn trả nợ của hai giấy vay nợ nêu trên anh D, chị T chưa trả được cho anh H tiền gốc đã vay theo hai giấy vay nợ nêu trên. Trong quá trình vay thì anh D có chuyển khoản cho anh D qua tài khoản Ngân hàng được 94.500.000 đồng, trong đó trả nợ theo giấy vay nợ đề ngày 06/8/2020 số tiền 70.000.000 đồng và một phần tiền lãi của hai giấy vay nợ ngày 20/7/2020 và ngày 03/12/2020.

Tại phiên tòa hôm nay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi suất. Không yêu cầu anh D, chị T phải trả lãi suất của hai khoản nợ nêu trên vì xác định số tiền lãi đã được thanh toán là 24.500.000 đồng.

Anh Nguyễn Quang D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày: Vợ chồng anh ngày 20/7/2020 có vay của anh H số tiền là 100.000.000 đồng, theo Giấy cam kết vay tiền đề ngày 20/7/2020 bản viết tay. Khi vay hai bên chỉ thỏa thuận thời hạn vay từ 20/7/2020 đến ngày 30/7/2020, không thỏa thuận lãi suất; Tiếp theo ngày 03/12/2020 vợ chồng anh tiếp tục vay của anh H số tiền 20.000.000 đồng, tại Bản cam kết vay tiền viết tay, thời hạn vay từ ngày 03/12/2020 đến ngày 13/12/2020.

Anh xác định vợ chồng anh có vay số tiền này nhưng đã thanh toán trả anh H xong.

Cụ thể:

+) Ngày 20/9/2020 thanh toán trả anh H 75.000.000 đồng tại điểm giao dịch Viettel số tiền là 75.000.000 đồng cho số tài khoản mang tên Nguyễn Văn H số tài khoản 6800123499999;

+) Ngày 18/01/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 20.000.000 đồng.

+) Ngày 21/01/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 2.000.000 đồng.

+) Ngày 09/02/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 3.100.000 đồng.

+) Ngày 02/03/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 3.700.000 đồng.

+) Ngày 07/4/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 2.800.000 đồng.

+) Ngày 14/4/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 1.000.000 đồng.

+) Ngày 26/4/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 1.000.000 đồng.

+) Ngày 08/5/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 3.500.000 đồng.

+) Ngày 20/8/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 2.300.000 đồng.

+) Ngày 21/8/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 2.000.000 đồng.

+) Ngày 23/8/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 3.000.000 đồng.

+) Ngày 30/8/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 9.50.000 đồng.

+) Ngày 31/8/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 2.400.000 đồng.

+) Ngày 06/9/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 1.000.000 đồng.

+) Ngày 10/9/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 5.000.000 đồng.

+) Ngày 16/9/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 3.800.000 đồng.

+) Ngày 02/10/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 2.500.000 đồng.

+) Ngày 06/10/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 1.000.000 đồng.

+) Ngày 08/10/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 1.000.000 đồng.

+) Ngày 08/10/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 3.500.000 đồng.

+) Ngày 16/11/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 2.800.000 đồng.

+) Ngày 03/12/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 2.000.000 đồng.

+) Ngày 11/12/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 1.000.000 đồng.

+) Ngày 16/12/2021 chuyển khoản từ số tài khoản 2126207 của anh tại Ngân hàng CP ACB chi nhánh Bắc Giang đến số tài khoản Ngô Thị D1 (Vợ anh H) số tài khoản 0351000707923 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietcombank) số tiền là 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền sao kê được là 147.350.000 đồng.

Bị đơn là chị Ngô Thị T vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện vợ chồng chị có vay tiền anh H nhiều lần, khi vay có lần cả hai vợ chồng cùng đến vay và ký tên, có lần chị không đến chỉ có anh D đến vay. Trong quá trình vay nợ và thanh toán anh D là người trả nợ, chị không lắm được anh D đã trả được bao nhiêu tiền. Nay chị đồng ý cùng anh D trả số tiền còn lại theo yêu cầu của anh H vì chị xác định giữa anh D và gia đình anh H là họ hàng với nhau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị D1 vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện, chị là vợ anh H. Đối với số tiền anh D, chị T vay là tiền riêng của anh H, khi anh H cho vay chị không biết và khi anh D trả tiền cho anh D thì chị cũng không biết vì tài khoản khoản Ngân hàng mang tên chị nhưng chị không quản lý và anh H là người quản lý tài sản này. Do vậy chị không có yêu cầu hay đề nghị gì và đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh D, chị T trả số tiền đã vay cho anh D.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H, người đại diện theo ủy quyền bà Quách Thị Liễu đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn là anh Nguyễn Văn D, chị Ngô Thị T, chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

Buộc anh Nguyễn Quang D, chị Ngô Thị T trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền là 120.000.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Quang D, chị Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí DSST.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ và nội dung đơn khởi kiện và tài liệu do các bên xuất trình HĐXX xác định: Vụ án tranh chấp giữa anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Quang D, chị Ngô Thị T được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh Nguyễn Quang D, chị Ngô Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Cẩm Trang, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại Điều 26 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn là anh Nguyễn Quang D, chị Ngô Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và triệu tập cho anh D, chị T theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh D, chị T vẫn vắng mặt; chị Ngô Thị D1 có đơn xin vắng mặt. Vì thế, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ án là có căn cứ.

[2.] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu anh D, chị T trả số tiền số tiền đã vay là 120 triệu đồng cùng lãi suất là tiền có căn cứ. Theo chứng cứ bà anh H trình là Giấy cam kết vay tiền đề ngày 03/12/2020 bản viết tay mực xanh số tiền vay là 20.000.000 đồng. Khi vay hai bên chỉ thỏa thuận thời hạn vay ngày vay từ 03/12/2020 đến ngày 13/12/2020, không thỏa thuận lãi suất; Tiếp theo ngày 20/7/2020 anh H tiếp tục cho vợ chồng anh D, chị T vay số tiền 100.000.000 đồng, tại Bản cam kết vay tiền không đề ngày tháng bản viết tay, thời hạn vay từ ngày 20/7/2020 đến ngày 30/7/2020, hai bên không thỏa thuận lãi suất. HĐXX xác định ngày 03/12/2020 và ngày 20/7/2020 anh H và anh D, chị T có xác lập hợp đồng vay tiền là hợp đồng vay có lãi và có kỳ hạn. Do anh anh D, chị T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên anh D có quyền yêu cầu anh D, chị T trả tiền gốc đã vay của hai giấy vay nợ nêu trên. Tại lời khai và tại phiên hòa giải anh D, chị T đều xác định có vay của anh H số tiền như đã vay. Anh D cho rằng đã trả hết số tiền vay nêu trên và cho rằng đã chuyển khoản cho anh D và chị D1 là vợ anh H. Tuy nhiên theo sao kê của anh D cung cấp cho Tòa án và sao kê của anh H cung cấp qua đối chiếu thì xác định anh D có chuyển khoản trả anh H số tiền là 94.500.000

đồng, mặt khác theo nguyên đơn anh H khai và đưa ra tài liệu chứng cứ là giấy vay nợ đề ngày 06/8/2020 anh H xác định anh D, chị T đã vay của anh H ba lần vay, trong đó ngày 06/8/2020 vay 70.000.000 đồng, đến ngày 20/9/2020 thì anh D trả cho anh 75.000.000 đồng qua chuyển khoản Ngân hàng, số tiền dư ra 5.000.000 đồng và những lần chuyển khác là tiền lãi do hai khoản nợ theo giấy vay ngày 20/7/2020 số tiền 100.000.000 đồng và ngày 03/12/2020 số tiền là 20.000.000 đồng.

Đối với số tiền chuyển khoản ngoài số tiền 70.000.000 đồng trả nợ theo hợp đồng vay ngày 06/8/2020, số tiền anh D chuyển là 24.500.000 đồng, số tiền này theo lời khai của anh D tại lời khai và tại phiên hòa giải đều xác định là vay có lãi do vậy đây được xác định là tiền lãi suất của số tiền đã vay theo hai hợp đồng vay đề ngày 20/7/2020 số tiền vay 100.000.000 đồng và ngày 03/12/2020 số tiền là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên cả hai hợp đồng vay nợ nêu trên đều không thỏa thuận về mức lãi suất, mặt khác khi quá thời hạn ghi trong giấy vay nợ anh D, chị T không thanh toán nên phải chịu lãi suất cho số tiền còn nợ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm tức là 0,83%/ tháng với số tiền vay từ ngày 20/7/2020 đến ngày 03/12/2020 là 100.000.000 đồng với thời gian vay là 04 tháng 12 ngày, số tiền vay từ ngày 03/12/2020 đến ngày 25/9/2022 là 120.000.000 đồng với thời gian vay là 01 năm 09 tháng 22 ngày. Tiền lãi được tính bằng $(100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} 12 \text{ ngày}) + (120.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 01 \text{ năm} 09 \text{ tháng} 22 \text{ ngày}) = 25.298.400 \text{ đồng}$.

Như vậy số tiền lãi do anh D, chị T chậm thanh toán trả anh H đến ngày 25/9/2022 là 25.298.400 đồng, số tiền này được trừ đi số tiền anh D, chị T đã thanh toán trả anh H trước đó là 24.500.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của của anh H không yêu cầu tính lại lãi suất do vậy cần chấp nhận yêu cầu này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do vậy cần căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, cần buộc anh Nguyễn Quang D, chị Ngô Thị T thanh toán trả cho anh H số tiền gốc đã vay là 120.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí: Nguyễn Quang D, chị Ngô Thị T chịu án khi dân sự sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí DSST.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thi

miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

Buộc anh Nguyễn Quang D, chị Ngô Thị T trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng);

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Quang D, chị Ngô Thị T phải chịu 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại hai biên lai thu số là: 0007953 ngày 07 tháng 4 năm 2022 là 1.200.000 đồng và tại biên lai thu số: 0007957 ngày 08 tháng 4 năm 2022 là 1.800.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Hoàng – Bùi Thế Hanh

Nguyễn Văn Tuấn

